

HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ CHO HỌC SINH KHI DẠY HỌC CHƯƠNG ĐỊA HÌNH VIỆT NAM, ĐỊA LÝ LỚP 12

Trần Quốc Nhuận*

Tóm tắt

Trong quá trình giảng dạy địa lý ở trường trung học, phát triển khả năng giải quyết vấn đề cho học sinh là một nhiệm vụ quan trọng. Để làm được điều này, giáo viên nên sử dụng kết hợp các phương pháp giảng dạy, giải quyết vấn đề, thảo luận, giảng dạy dự án, thử nghiệm sáng tạo ... Việc hình thành sự phát triển năng lực giải quyết vấn đề phải được tiến hành thường xuyên, kiên trì, có tinh thần tích cực, độc lập và sáng tạo. Ngoài sự hướng dẫn tận tâm và trách nhiệm của giáo viên, phải có thêm phương pháp tốt thì kết quả việc dạy học ở trường trung học mới ổn định.

Từ khóa: *Năng lực giải quyết vấn đề, địa hình Việt Nam, địa lý lớp 12, Trường THPT chuyên Lương Văn Chánh, Phú Yên.*

Abstract

**Forming and developing problem-solving skills for students when teaching the
Chapter: Topography of Vietnam, Geography Grade 12**

In teaching geography at high schools, developing problem-solving ability for students is an important task. In order to deal with this issue, teachers should use a combination of teaching methods such as problem-solving, discussion, project method, creative experimentation, and the like. The formation of problem-solving skills should be carried out regularly and persistently, with a positive, independent and creative attitude. Besides the teachers' responsible, dedicated guidance and support, good teaching and learning methods will also bring about better results and stability at high schools.

Keywords: *Ability of problem solving, topography of Vietnam, geography grade 12, Luong Van Chanh gifted high school, Phu Yen.*

Đổi mới giáo dục căn bản toàn diện của nước ta đang chú trọng vấn đề định hướng phát triển năng lực (NL) nhằm đạt được mục tiêu phát triển toàn diện cho học sinh, quan tâm đến việc sau khi học học sinh có thể áp dụng vào công việc và đời sống. Chính vì vậy, cần bồi dưỡng và nâng cao năng lực giải quyết vấn đề cho học sinh là khâu đột phá cần thiết đối với môn học. Xây dựng hệ thống năng lực căn bản là

nhiệm vụ rất quan trọng của các môn học ở trường THPT, trong đó có môn Địa lý.

1. Khái niệm về năng lực

Năng lực là khả năng đạt được một kết quả nhất định trong một công việc cụ thể do một con người cụ thể thực hiện. Nó có thuộc tính phức tạp, tập hợp các nét độc đáo của nhân cách, hội tụ của các yếu tố tri thức, kỹ năng, thái độ, kinh nghiệm, hành động, trách nhiệm. NL không phải có sẵn, nó được hình thành và phát triển thông qua quá trình học tập, làm việc, trải nghiệm. Vì

* ThS, Trường THPT chuyên Lương Văn Chánh

vậy, tổ chức các hoạt động học tập là điều kiện cần thiết để hình thành và phát triển năng lực. Năng lực được chia thành năng lực chung và năng lực riêng.

“Năng lực chung”: “NL chung là năng lực cơ bản, thiết yếu mà bất kỳ người nào cũng cần có để sống và làm việc. Các NL chung được hình thành và phát triển qua các môn học và hoạt động trải nghiệm sáng tạo” [1, tr.5] như: tự học, giải quyết vấn đề và sáng tạo, sử dụng ngôn ngữ và giao tiếp, hợp tác, tính toán, sử dụng công nghệ thông tin - truyền thông, thẩm mỹ và thể chất.

“Năng lực riêng”: trên cơ sở khái niệm, nội hàm NL chung, trong quá trình dạy học, dựa vào đặc trưng của môn học mà hình thành cho học sinh hệ thống những năng lực riêng phù hợp. NL đặc thù mỗi môn học là NL được hình thành bởi ưu thế của môn học. Nó liên quan chặt chẽ đến ưu thế đặc điểm của môn học. Đối với môn địa lý cần căn cứ vào NL chung, đặc điểm của bộ môn, NL riêng của bộ môn được xác định như sau: thu thập và xử lý thông tin liên quan đến địa lý, tái hiện kiến thức, xác định mối quan hệ nhân quả, nhận định đánh giá các đối tượng địa lý nghiên cứu, thực hành và vận dụng những kiến thức địa lý trong cuộc sống, học tập, trình bày được các vấn đề địa lý vừa nhận thức được.

2. Phát triển năng lực giải quyết vấn đề (NLGQVĐ) cho học sinh trong dạy học Địa lý ở trường phổ thông

Dạy học địa lý ở trường THPT cần hình thành và phát triển NL giải quyết vấn đề cho học sinh, đây là việc làm rất quan trọng và cần thiết; vì nó thể hiện ở các kỹ năng trong hoạt động học tập để giải quyết đạt hiệu quả những vấn đề học tập đặt ra. Tiêu chí đánh giá người học có NLGQVĐ phải đảm bảo 3 yếu tố đó là: có hiểu biết

chắc chắn kiến thức về vấn đề cần giải quyết, có kỹ năng giải quyết vấn đề, có thái độ đúng khi giải quyết vấn đề. Trong đó kỹ năng giải quyết vấn đề là yếu tố quan trọng nhất, tiên quyết và có tính chất quyết định cho việc hình thành và phát triển NLGQVĐ đối với người học. NLGQVĐ của HS trong quá trình dạy học bộ môn địa lý ở trường phổ thông gồm có:

- Phát hiện vấn đề địa lý và nêu vấn đề cần giải quyết
- Nhận thức và lựa chọn được cách thức giải quyết vấn đề tối ưu nhất
- Nghiên cứu tư liệu và tìm kiếm thông tin liên quan đến vấn đề địa lý
- Đưa ra các phương án trả lời và chọn phương án tối ưu
- Trình bày vấn đề qua sử dụng đồ dùng trực quan trong dạy học
- Tìm ra mối quan hệ của các vấn đề đối tượng địa lý
- Vận dụng kiến thức địa lý vào thực tiễn
- Trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu tìm hiểu học tập của mỗi học sinh (HS) hay nhóm học sinh.

Trong quá trình dạy học địa lý, để phát triển NLGQVĐ cho HS, giảng viên (GV) cần phải tiến hành các bước trình tự như sau:

1. GV hướng dẫn HS tìm hiểu, phát hiện vấn đề bằng cách tạo tình huống có vấn đề, phát biểu và đặt ra mục đích để giải quyết vấn đề đó.
2. GV hướng dẫn HS giải quyết vấn đề đó bằng cách làm rõ mối quan hệ giữa cái đã biết với cái chưa biết, đề xuất và thực hiện hướng giải quyết vấn đề, trình bày cách giải quyết vấn đề.
3. Nghiên cứu và kiểm tra lời giải, đề xuất những vấn đề mới có liên quan và giải quyết vấn đề.

Để sử dụng phương pháp này đạt hiệu quả, trong quá trình dạy học, tùy theo mỗi bài, mỗi chương GV cần vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học để có thể phát triển tốt nhất NLGQVĐ cho HS.

3. Phát triển NLGQVĐ cho HS khi dạy chương Địa hình Việt Nam, Địa lý lớp 12

Việc phát triển NLGQVĐ cho HS khi dạy chương Địa hình Việt Nam nói riêng và các chương khác thuộc địa lý lớp 12 nói chung thì có nhiều phương pháp như: phương pháp dạy học nêu vấn đề, phương pháp dạy học dự án, phương pháp dạy học thảo luận, phương pháp dạy học khăn phủ bàn, phương pháp dạy học bàn tay nặn bột... Tuy nhiên, trong khuôn khổ bài viết này chỉ đề cập đến phương pháp dạy học nêu vấn đề.

Sử dụng phương pháp dạy học nêu vấn đề trong phát triển NLGQVĐ cho HS 12 khi dạy chương Địa hình Việt Nam (Việt Nam đất nước nhiều đồi núi), lớp 12. Phương pháp dạy học nêu vấn đề là cách dạy học tích cực, có nhiều ưu điểm nhằm góp phần phát triển NLGQVĐ đối với HS. Ở đây GV tạo cách dẫn dắt HS vào tình huống có vấn đề thông qua các bài tập nhận thức, phát triển năng lực HS. Với chương Địa hình Việt Nam.

***GV đưa ra tình huống 1.**

- Bước 1. Nêu vấn đề: Việt Nam có nhiều thung lũng sâu hơn là núi cao, phần lớn diện tích lãnh thổ là đồi núi, địa hình có sự phân hoá nhiều dạng, địa hình lại có sự bất đối xứng sườn Đông - Tây. Vậy, địa hình nước ta có những đặc điểm nổi bật nào?

- Bước 2. GV hướng dẫn HS giải quyết vấn đề 1: có 4 đặc điểm chính: địa hình phần nhiều đồi núi nhưng chủ yếu là đồi núi thấp; cấu trúc địa hình đa dạng; địa hình tiêu biểu của vùng khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa; địa hình chịu tác động mạnh mẽ của

con người. Tiếp đến GV yêu cầu HS nghiên cứu tài liệu sách giáo khoa kết hợp với bản đồ (Atlas) phân tích từng đặc điểm, nêu được các ý: + Địa hình nước ta phần lớn là đồi núi nhưng chủ yếu là đồi núi thấp, đồi núi chiếm $\frac{3}{4}$ diện tích lãnh thổ, trong đó núi cao trên 2000m chỉ có 1%, núi trung bình có độ cao từ 1000m - 2000m chiếm 14%, núi thấp độ cao dưới 1000m chiếm 60%; còn đồng bằng chỉ chiếm có $\frac{1}{4}$ diện tích lãnh thổ (25%). + Cấu trúc địa hình nước ta đa dạng, phức tạp, nguyên nhân do vận động Tân kiến tạo nâng lên và có tính phân bậc rõ rệt (500m - 800m - 1000m - 1500m - 2000m), có hướng nghiêng chung từ Tây Bắc xuống Đông Nam. Có nhiều dạng địa hình như núi cao ở vùng Tây Bắc; sơn nguyên; cao nguyên đá vôi ở Tây Bắc và Đông Bắc, cao nguyên đất đỏ bazan ở Tây Nguyên; đồi trung du rộng lớn ở vùng Đông Bắc; bán bình nguyên ở Đông Nam Bộ; địa hình cac-xto; thung lũng và lòng chảo. + Địa hình bị cắt xẻ mạnh do các rãnh đứt gãy của kiến tạo địa chất kết hợp khí hậu nhiệt đới ẩm tác động tạo nên nhiều thung lũng sâu bên cạnh núi cao. Núi cao lại không nhiều (1% diện tích lãnh thổ) mà nhiều thung lũng, sông, hồ sâu tạo nên cảnh giác khi quan sát thấy như nhiều thung lũng sâu hơn là núi cao. + Địa hình chịu tác động mạnh mẽ của con người: phân tích tác động tích cực và tiêu cực do hoạt động kinh tế - xã hội tạo ra.

- Bước 3. GV chuẩn kiến thức và nêu gợi ý biện pháp khai thác phải hợp lý, hiệu quả.

*** GV đưa tiếp tình huống 2:**

- Bước 1: Nêu vấn đề: địa hình có những dạng cơ bản tương ứng với độ cao như thế nào? Sự phân hoá địa hình từ Đông sang Tây ra sao?

- Bước 2. GV hướng dẫn HS giải quyết vấn đề, yêu cầu nêu được các ý:

+ Có 7 dạng, tương ứng độ cao trên 2000 m là núi cao; từ 500 - 2000 m có mặt bằng tương đối rộng là các cao nguyên, sơn nguyên (trên cao nguyên có núi cao gọi là sơn nguyên); hang động cac - xơ; đồi trung du độ cao trung bình 300 - 500m; bán bình nguyên khoảng 100 – 300m; dưới 100m là đồng bằng, thung lũng và lòng chảo.

+ Địa hình phân hoá từ đông sang tây, gồm có: ven biển và thềm lục địa; đồng bằng ven biển; trung du và miền núi.

- Bước 3. GV chuẩn kiến thức và gợi ý phân tích mở rộng 4 vùng núi nước ta...

*** GV đưa ra tình huống 3:**

- Bước 1. Nêu câu hỏi: So sánh đặc điểm địa hình giữa vùng núi Đông Bắc với Tây Bắc? Địa hình giữa vùng núi Trường Sơn Bắc với Trường Sơn Nam?

- Bước 2. GV hướng dẫn HS giải quyết vấn đề, HS nêu được các ý chính:

Vùng núi Đông Bắc với Tây Bắc:

+ Giống nhau: về hoạt động địa chất, về các dạng địa hình...

+ Khác nhau: nêu rõ điểm địa hình giữa vùng núi Đông Bắc với Tây Bắc các nét nổi bật là độ cao, hướng núi, độ cắt xẻ và các dạng địa hình tiêu biểu. Vùng núi Đông Bắc chủ yếu là núi thấp, độ cao trung bình khoảng 600m, chỉ một vài ngọn núi cao gần với biên giới Việt Nam-Trung Quốc (Tây Côn Lĩnh, Kiều Liên Ti), hướng núi chính là hướng vòng cung, với 4 dãy cánh cung (Sông Gâm, Ngân Sơn, Bắc Sơn, Đông Triều); Đông Bắc có vùng đồi trung du rộng lớn nhất nước ta, kéo dài từ cánh cung Ngân Sơn ra đến Đông Triều; có vùng đồng bằng duyên hải Quảng Ninh và đồng bằng sông Hồng ở phía Đông Nam; vùng Đông Bắc còn có thềm lục địa nông và rộng là vịnh Bắc Bộ. Nguyên nhân ở đây là do hoạt động nội lực nâng lên mạnh ở phía Tây Bắc và yếu dần, lại sụt lún ở phần

Đông Nam nên địa hình ở đây có vùng đồi trung du tiếp liền giữa đồng bằng và miền núi rộng lớn. Độ cắt xẻ vùng Đông Bắc vì thế cũng nhỏ hơn ở Tây Bắc. Dạng địa hình tiêu biểu ở Đông Bắc có núi thấp, đồi trung du, cao nguyên, thềm lục địa, địa hình cac - xơ; còn vùng Tây Bắc có nhiều núi cao và núi trung bình, với độ cao trung bình trên 600m Hoàng Liên Sơn với đỉnh Fansipan cao 3143 m, dãy Pu-sam-sao, dãy Pu-đen-đỉnh, núi Pu - Hoạt. Hướng nghiêng chung và hướng núi chủ đạo từ Tây Bắc xuống Đông Nam, khác với vùng Đông Bắc là hướng núi vòng cung; mật độ cắt xẻ của vùng lớn do có nhiều đứt gãy trong quá trình hoạt động nâng lên và hạ xuống nơi địa chất có cấu tạo những nham thạch cứng đã hình thành nên nhiều sông sâu và hẻm vực lớn như sông Đà, sông Mã.... Vùng Tây Bắc cũng có tương đối đầy đủ các dạng địa hình...

Vùng núi Trường Sơn Bắc với Trường Sơn Nam:

+ Giống nhau: về hoạt động địa chất, độ cao, về các dạng địa hình.

+ Khác nhau: nêu rõ sự phân hoá địa hình giữa Trường Sơn Bắc với Trường Sơn Nam, qua bản đồ địa hình cho thấy Trường Sơn Bắc hẹp và thấp hơn Trường Sơn Nam. Trường Sơn Bắc có vùng đồi trung du nhỏ hẹp (ở Đồng Hới tỉnh Quảng Bình, từ biển lên đến đỉnh trường sơn chỉ rộng có 50 km). Núi cao chỉ có ở vùng tây Thanh Hoá - Nghệ An và Bạch Mã; còn các tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị là vùng núi thấp đá vôi sót lại. Trong khi đó, vùng núi Trường Sơn Nam đồ sộ cả hai sườn Đông và Tây trải rộng, nhiều núi cao trên 2000m (Ngọc Linh, Chư – giang - sin, Vọng Phu, Lang = bi - ang) và 6 cao nguyên đất đỏ bazan xếp tầng (Kon Tum, Plây ku, Đắc Lắc, Mơ Nông, Lâm Viên, Di Linh). Sườn

Tây thoải về đồng bằng Nam Bộ, sườn Đông dốc đứng nghiêng về phía biển, có đồi trung du rộng hơn so Trường Sơn Bắc.

- Bước 3. GV chuẩn kiến thức và nêu gợi ý : thuận lợi và khó khăn của địa hình mỗi vùng đối phát triển kinh tế và xã hội?

*** GV đưa ra tình huống 4:**

- Bước 1. GV nêu câu hỏi: Mối quan hệ giữa địa hình vùng núi - trung du - đồng bằng - thêm lục địa ven biển? Những thuận lợi và khó khăn khu vực địa hình đồi núi và đồng bằng đối với phát triển kinh tế và xã hội?

- Bước 2. GV hướng dẫn HS giải quyết vấn đề, HS nêu được các ý chính: + vùng Đông Bắc núi cao ở xa trong đất liền, có đồng bằng ven biển với thêm lục địa nông và rộng nên ở đây có vùng đồi trung du rộng lớn nhất nước; + còn ở vùng Tây Bắc núi cao, không có đồng bằng rộng, không có thêm lục địa nên chỉ có những cao nguyên, còn vùng trung du thì hẹp hơn ở vùng Đông Bắc.

+ Về những thuận lợi và khó khăn khu vực địa hình đồi núi và đồng bằng đối với sản xuất và đời sống: vùng đồi núi, thuận lợi về tài nguyên, khoáng sản, thành phần loài thực động vật; bề mặt các cao nguyên tương đối bằng phẳng với đất feralit tốt; tiềm năng thủy điện lớn; khí hậu mát mẻ trong lành thuận lợi cho phát triển kinh tế và sinh hoạt đời sống. Tuy nhiên, vùng có những hạn chế trong giao lưu, khai thác tài nguyên, thiên tai và bất ổn về thời tiết... Còn ở khu vực đồng bằng, có địa hình bằng phẳng, đất phù sa màu mỡ, nguồn nước dồi dào... thuận lợi cho tập trung dân cư đông đúc và phát triển kinh tế-xã hội, giao lưu hội nhập. Vùng đồng bằng cũng có những hạn chế trong quá trình khai thác cần khắc phục như ngập úng, do địa hình thấp hoặc do hệ thống đê ngăn lũ; thiếu nước; xâm

nhập mặn; nhiễm chua phèn đất đai ở vùng trũng ngập nước dài ngày; cát bồi; sạt lở; thiên tai...

*** GV đưa ra tình huống 5:**

- Bước 1. GV nêu câu hỏi: Tại sao nói địa hình nước ta tiêu biểu của địa hình vùng khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa?

- Bước 2. GV hướng dẫn HS giải quyết vấn đề: HS nêu được các ý chính:

+ Khí hậu nắng lắm, mưa nhiều xâm thực mạnh ở vùng đồi núi .

+ Bồi tụ nhanh ở vùng trũng thấp và các đồng bằng. GV gợi ý các hệ quả của việc xâm thực mạnh và bồi tụ nhanh tạo nên...

- Bước 3. GV chuẩn kiến thức và nêu gợi ý mở rộng để HS suy nghĩ thêm về tác động của con người lên địa hình trong quá trình cư trú.

*** GV đưa ra tình huống 6:**

- Bước 1. GV nêu câu hỏi: Địa hình nước ta chịu tác động tích cực và tiêu cực của con người như thế nào?

- Bước 2. GV hướng dẫn HS giải quyết vấn đề, HS nêu được các ý chính:

+ Tích cực: canh tác đúng kỹ thuật, kết hợp nông - lâm, tưới tiêu nước, làm ruộng bậc thang, kỹ thuật cày bừa phù hợp địa hình từng vùng.

+ Tiêu cực: làm kênh mương trong sản xuất nông nghiệp, khai thác lâm sản quá mức dẫn đến nhiều vùng đồi núi trọc thì mức san bằng cắt xẻ địa hình càng nhanh. Hoạt động khai thác khoáng sản ở vùng đồi núi thiếu quy hoạch, thiếu kiểm soát cũng làm bề mặt địa hình biến dạng. Ngoài ra, quá trình đô thị hoá, công nghiệp hoá xây dựng các công trình, quy hoạch các khu dân cư cũng tác động tiêu cực lên bề mặt địa hình lãnh thổ nước ta.

- Bước 3. GV chuẩn kiến thức và nêu gợi ý cho HS: vai trò quan trọng của địa hình trong các thành phần tự nhiên, định hướng

trong quá trình sử dụng. GV kết luận: Địa hình là thành phần tự nhiên rất quan trọng, tác động tương hỗ đến các thành phần tự nhiên khác. Trong khai thác sử dụng vào mục đích kinh tế - xã hội cần nắm vững quy luật tự nhiên.

Nhìn chung, hình thành và phát triển NLGQVĐ cho HS là một việc làm quan trọng trong quá trình dạy học môn địa lý. Ở mỗi chương, mỗi bài nếu GV tổ chức tốt hoạt động dạy học theo hướng phát huy năng lực cho học sinh, sẽ góp phần cho việc truyền đạt nội dung kiến thức bài học thêm hấp dẫn, sinh động, truyền cảm hứng học tập cho các em, tiết học địa lý giảm đi sự khô khan buồn tẻ. HS ham thích học tập, góp phần nâng cao chất lượng dạy học môn

địa lý trong trường phổ thông. Để đạt được điều đó, GV và HS phải có sự quyết tâm nỗ lực cố gắng đồng bộ, đầu tư rèn luyện phát triển năng lực thường xuyên và liên tục. GV chú trọng giáo dục HS có thái độ học tập tích cực, nghiêm túc, tự giác, sáng tạo dưới sự tận tình hướng dẫn động viên dìu dắt của GV, thì việc thực hiện phát triển năng lực giải quyết vấn đề cho học sinh trong học tập môn địa lý mới đạt kết quả cao như mong muốn. Trong quá trình thực hiện GV cần kết hợp hài hoà nhiều phương pháp phù hợp ở mỗi chương, mỗi bài nhằm đạt hiệu quả cao nhất, tránh tình trạng rập khuôn máy móc gây tâm lý nhàm chán đối với người học □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Ban tuyên giáo Trung ương, *Tài liệu học tập Nghị quyết lần thứ 8 Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khoá XI* - NXB Chính trị quốc gia Sự thật, HN 2013.
- [2] Bernd Meiev - Nguyễn Văn Cường, *Phát triển năng lực thông qua phương pháp và phương tiện dạy học mới*. Tài liệu tập huấn giáo viên trung học phổ thông 2005.
- [3] Nguyễn Thị Thế Bình-Bùi Thị Nhung, *Phát triển năng lực giải quyết vấn đề cho học sinh khi dạy học Cuộc tổng tiến công và nổi dậy xuân 1975(lich sử 12)*. Tạp chí Giáo dục số 364, tháng 8/2005, trang 28-30.